TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày 25/7/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VƯC 8 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi và ông Bùi Đức Dầu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Số 02, đường M, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đình T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng V - Chi nhánh Đ, theo quyết định uỷ quyền số 2665/QĐ - N – PC, ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng V – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 16 , đường M, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn*:* Chị Trần Thị Loan P, sinh năm 199x và anh Bùi Duy H, sinh năm 1984 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cũ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thành L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cũ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Đình T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/02/2018 chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H có vay vốn tại Ngân hàng V - Chi nhánh Đ (Viết tắt A), số tiền vay là 750.000.000 đồng, theo hợp

đồng tín dụng số 5301-LAV-201800367 ký kết ngày 28/02/2018, lãi suất cho vay tại thời điểm vay vốn là 11 %/năm, mục đích vay: Chi phí sản xuất, tiêu dùng đời sống gia đình, thời hạn cho vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 27/02/2021, định kỳ trả gốc 03 kỳ, định kỳ trả lãi là 06 tháng một lần. Hiện nay chưa trả khoản gốc, lãi nào. Đến hạn trả gốc, lãi chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết, cố tình chây ỳ, đã quá hạn toàn bộ khoản vay trên từ ngày 27/02/2019. Ngân hàng đã đôn đốc, thông báo hàng năm nhưng không thực hiện. Hiện đã đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ, không thông báo. Vì vậy, Ngân hàng đã phải làm thủ tục nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và nhắn tin trên báo Trung ương để có căn cứ giải quyết vụ án.

Để đảm bảo khoản vay trên chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 245361022/HĐTC ngày 28 tháng 2 năm 2018, đối với tài sản là quyền sử dụng đất số CL 7886xx, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 101, diện tích 41.432,7m^2, đất trồng cây lâu năm, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (nay là tỉnh L) cấp ngày 22/01/2018.

Do khoản vay đã quá hạn, nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vi phạm hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là **1.477.506.850 đồng** (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 132.376.713 đồng, lãi quá hạn 595.130.137 đồng (kèm theo bảng kê tính lãi của ngân hàng), thời hạn tính lãi tính đến ngày 25/7/2025.

Kể từ ngày 26/7/2025 Ngân hàng tiếp tục yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản mà chị P và anh H đang thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Đối với ông Trần Thành L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Thu H là cha và mẹ của chị Trần Thị Loan P, lý do ký vào giấy uỷ quyền liên quan đến việc vay vốn của chị P và anh H theo giấy uỷ quyền ngày 28/02/2018 mà Ngân hàng cung cấp cho Toà án có ghi trong hợp đồng tín dụng là căn cứ giấy uỷ quyền này là do người vay vốn đang chung hộ khẩu. Tuy nhiên, việc vay vốn và tài sản thế chấp không liên quan gì đến ông L và bà H. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu ông L và bà H cùng có nghĩa vụ trả nợ.

**Bị đơn chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H:* Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương thì chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bỏ đi đâu không rõ địa chỉ, không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết. Vì vậy, Ngân hàng đã nhắn tin, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo Trung ương theo quy định về thông báo tìm kiếm cũng như thời hạn làm việc. Tuy nhiên, anh H và chị P không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành L và bà Nguyễn Thị Thu H:* Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương thì ông L và bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông L và bà H không có mặt tại tại Toà án để làm việc. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Áp dụng Điều 195, 199, 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320, 322 Điều 323 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V tổng số tiền cả gốc và lãi là **1.477.506.850 đồng** (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 132.376.713 đồng, lãi quá hạn 595.130.137 đồng (kèm theo bảng kê tính lãi của ngân hàng), thời hạn tính lãi tính đến ngày 25/7/2025.

Chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD số 5301-LAV-201800367 ký kết ngày 28/02/2018 kể từ ngày 26/7/2025 cho đến khi chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng V.

Trường hợp chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo của chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H theo Hợp đồng thế chấp số 245361022/HĐTC ngày 28 tháng 2 năm 2018, đối với tài sản là quyền sử dụng đất số CL 7886xx, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 101, diện tích 41.432,7m^2, đất trồng cây lâu năm, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (nay là tỉnh L) cấp ngày 22/01/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về các vấn đề khác: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu chị P và anh H phải trả số tiền gốc 750.000.000 đồng và tiền

lãi tính đến ngày 25/7/2025. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành L và bà Nguyễn Thị Thu H đã đi khỏi địa phương, hiện nay đi đâu không rõ, không thông báo cho Ngân hàng biết. Vì vậy, Ngân hàng đã nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo Trung ương theo quy định về thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, thời gian làm việc, xét xử, tiến hành niêm yết cho các đương sự theo quy định nhưng các đương sự không về làm việc như đã thông báo, niêm yết. Căn cứ quy định tại Điều 173, Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018003xx ký kết ngày 28/02/2018 thì khoản vay trên của đã quá hạn từ ngày 27/02/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả, tính đến ngày xét xử chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H còn nợ Ngân hàng V số tiền gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi của hợp đồng tính đến ngày xét xử trong hạn và quá hạn là 727.506.850 đồng, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận, ngân hàng tính thời hạn tính lãi tính đến ngày 25/7/2025 là đảm bảo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử).*

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 245361022/HĐTC ngày 28 tháng 2 năm 2018 thì chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì tài sản thế chấp trên đúng với diện tích đất chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản hợp pháp của chị P và anh H nên đã cùng ký hợp đồng thế chấp. Trường hợp không trả được nợ thì theo nội dung thoả thuận trong hợp đồng thế chấp là xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Việc các bên ký hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319 và Điều 320 Bộ luật dân sự.

[3.3] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 26/7/2025. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-2018003xx ký kết ngày 28/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì chị P và anh H

phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[3.4] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] Đối với ông Trần Thành L và bà Nguyễn Thị Thu H, Toà án xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vì: Theo giấy uỷ quyền được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ (cũ) chứng thực ngày 28/02/2018, lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng thể hiện: Ông L và bà H là cha và mẹ của chị Trần Thị Loan P, khi vay vốn còn chung hộ khẩu, nhưng để đảm bảo việc liên quan đến hộ gia đình hoặc có xảy ra tranh chấp thì Ngân hàng cho các bên ký giấy uỷ quyền và Ngân hàng có ghi căn cứ giấy uỷ quyền này trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, khoản vay này và tài sản thế chấp không liên quan gì đến ông L và bà H. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu ông L và bà H cùng có nghĩa vụ trả nợ. Xét lời trình bày của người đại diện Ngân hàng và chứng cứ cung cấp cho Toà án là phù hợp nên HĐXX chấp nhận ý kiến của Ngân hàng không buộc ông L và bà H cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng V đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc chị P và anh H phải nộp lại để hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[6.1.] *Về chi phí nhắn tin*: Căn cứ Điều 180 BLTTDS: Ngân hàng V đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Nên lệ phí Thông báo này Ngân hàng phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi là **1.477.506.850 đồng** (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng*) = 36.000.000 đồng + (03 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 677.506.850 đồng x 3%) = 20.325.205 đồng. Vậy, án phí phải chịu là 56.325.205 đồng (*Năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Hoàn trả số tiền nộp tạm ứng án phí cho Ngân hàng V.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 177; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 195, 199, 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320, 322 Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V tổng số tiền cả gốc và lãi là **1.477.506.850 đồng** (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng*), trong đó đó nợ gốc là 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*); nợ lãi trong hạn 132.376.713 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba đồng*), lãi quá hạn 595.130.137 đồng (*Năm trăm chín mươi lăm triệu, một trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 25/7/2025.

Kể từ ngày 26/7/2025, chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201800367 ký kết ngày 28/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì chị P và anh H phải tiếp tục chịu lãi suất như thoả thuận cho Ngân hàng V cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 245361022/HĐTC ngày 28 tháng 2 năm 2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay đã thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 788694, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 101, diện tích 41.432,7m^2, đất trồng cây lâu năm, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (nay là tỉnh L) cấp ngày 22/01/2018 cho anh Bùi Duy H và chị Trần Thị Loan P.

2.Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Buộc chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải nộp lại để hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án.

[2.1] Về chi phí nhắn tin: Căn cứ Điều 180 BLTTDS: Ngân hàng V phải chịu lệ phí Thông báo nhắn tin với số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo các hoá đơn giá trị gia tăng của Báo C là 1.500.000 đồng và Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 02/6/2025 của Chi nhánh Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông tại thành phố H với số tiền 4.500.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc chị Trần Thị Loan P và anh Bùi Duy H phải chịu là 56.325.205 đồng (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 16.866.000 đồng (*mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00062xx ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ cũ (nay là Phòng dân sự khu vực A).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo đến phần liên quan của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSNDKV 8 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh L;
(Phòng THDAS khu vực A
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký và đóng dấu*)

Hoàng Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Hà